

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 5 – 2026

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung giữa bà R và ông T

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Thành;

2. Bà Lâm Thị Ngọc Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Phương Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 195/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thái R, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp 1, xã M, tỉnh T (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp 1, xã M, tỉnh T (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2026, nguyên đơn bà Nguyễn Thái R trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thái R và ông Nguyễn Thanh T cưới nhau và đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh L (nay là xã M, tỉnh T). Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 6/2023. Nguyên nhân do không hợp tính cách của nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến không có tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm không

còn, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà R yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thanh V, sinh ngày 25/7/2008. Bà R yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không tham gia và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 25 tháng 5 năm 2026, ông T đồng ý ly hôn với bà R, đồng ý giao con cho bà R nuôi, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Nguyễn Thái R khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T. Ông Nguyễn Thanh T là bị đơn hiện đang cư trú tại Ấp 1, xã M, tỉnh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh. Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thái R.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thái R và ông Nguyễn Thanh T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh L (nay là xã M, tỉnh T) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 69/KH/2007, ngày 07/11/2007 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà R trình bày do không hợp tính cách của nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay. Đối với ông T, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không tham gia giải quyết vụ án mà có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 25 tháng 5 năm 2026, ông T đồng ý ly hôn với bà R. Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà R và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thái R đối với ông Nguyễn Thanh T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thanh V, sinh ngày 25/7/2008. Bà R yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp

dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 25 tháng 5 năm 2026, ông T đồng ý giao con cho bà R nuôi, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, tại đơn nguyện vọng ngày 23 tháng 3 năm 2026 thì cháu Nguyễn Thanh V có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà R giao con chung là Nguyễn Thanh V, sinh ngày 25/7/2008 cho bà R tiếp tục nuôi con, ông Nguyễn Thanh T không cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thái R phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thái R đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thái R được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

[2] Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thái R tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh V, sinh ngày 25/7/2008. Ông Nguyễn Thanh T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thái R phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009348 ngày 05/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà R đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 6;
- Phòng THADS khu vực 6;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Lộc